TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 12 - 2023.
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Năng O**, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn N K, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Trịnh Thị Nh**, sinh 1983, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N K, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người làm chứng: Ông **Trịnh Văn Th,** sinh năm 1962 (bố đẻ chị Nh)

Địa chỉ: Thôn N L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

Anh O, chị Nh và ông Th đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Năng O trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương ngày 29/01/2001 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày cưới vợ chồng tổ chức sống chung, vợ chồng sống với nhau vui vẻ hạnh phúc, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị Nh làm thủ tục xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cô Nh không chung thủy và không muốn quay về chung sống với anh nên mỗi lần gọi điện thoại cho nhau thì vợ chồng xảy ra cãi nhau, từ đó hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống

của nhau và cũng không có biện pháp gì để hàn mâu thuẫn. Nay anh xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nh để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Năng H, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Năng Tr, sinh ngày 18/02/2005 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống riêng ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Nh tại Đài Loan vì chị Nh không cho anh biết địa chỉ.

- *Ông Trịnh Văn Th (là bố đẻ chị Nh) trình bày*: Anh O và chị Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm vào năm 2001. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị Nh làm thủ tục đi lao động tại Đài Loan đến nay chưa về nước. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho chị Nh biết về việc anh O làm đơn xin ly hôn. Chị Nh không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại chị Nh có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, sống ly thân nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn, không muốn quay về chung sống với anh O nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; chị Nh cũng xác định các con chung đã trên 18 tuổi, tự lo được cuộc sống riêng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại công văn số 28638/QLXNC-P3 ngày 26/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị Trịnh Thị Nh, sinh ngày 15/6/1983, có thông tin xuất xuất cảnh ngày 12/5/2010 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất bằng hộ chiếu số B4003796, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Năng O được ly hôn chị Trịnh Thị Nh; Về con chung: Con chung là Nguyễn Năng H, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Năng Tr, sinh ngày 18/02/2005, hai cháu đã trên 18 tuổi, trưởng thành hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét

tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Năng O vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh O.

Chị Trịnh Thị Nh là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên chị Nh vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu anh O và ông Th (bố đẻ chị Nh) cung cấp địa chỉ của chị Nh nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh O, chị Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương ngày 29/01/2001. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau ngày cưới vợ chồng tổ chức sống chung, vợ chồng sống với nhau vui vẻ hạnh phúc, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị Nh làm thủ tục xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan. Anh chị thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, cả hai đều không tìm được biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung. Anh O xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nh. Thông qua gia đình, chị Nh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống xa nhau nhiều năm nay nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, chị không muốn quay về chung sống với anh O nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho anh O được ly hôn chị Nh là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Năng H, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Năng Tr, sinh ngày 18/02/2005 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh O là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Năng O được ly hôn chị Trịnh Thị Nh.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Năng H, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Năng Tr, sinh ngày 18/02/2005 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lo được cuộc sống riêng nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Năng O phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2023/0001192 ngày 12/10/2023. Anh O đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Nh đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./..

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T K, huyện T K (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang